

Số: 697 /SYT-KHTC

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 4 năm 2015

V/v hướng dẫn thực hiện Nghị  
định số 17/2015/NĐ-CP ngày  
14/02/2015 của Chính phủ.

Kính gửi: Các đơn vị trong ngành.

Sở Y tế nhận được Công văn số 1069/STC-HCNS ngày 06/4/2015 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ;

Sở Y tế yêu cầu các đơn vị trong ngành xác định đối tượng được hưởng tiền lương tăng thêm theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP; trong đó lưu ý tại Điểm a, Khoản 3, Điều 2 Nghị định 17/2015/NĐ-CP quy định như sau:

*“Đối tượng không áp dụng:*

*a) Người có hệ số lương từ 2,34 trở xuống làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đã được hưởng hệ số tiền lương tăng thêm hàng tháng bằng, hoặc cao hơn 0,08 so với mức lương cơ sở theo quy định của cấp có thẩm quyền”;*

Sở Y tế đề nghị các đơn vị thực hiện việc chi trả tiền lương tăng thêm theo hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 1069/STC-HCNS;

Các đơn vị báo cáo nhu cầu tiền lương tăng thêm theo mẫu biểu số 1, 2a, 3a, 3b gửi về Sở Y tế trước ngày 14/4/2015. Trong trường hợp không có nhu cầu, đề nghị vẫn có văn bản báo cáo Sở Y tế./.

*(Công văn số 1069/STC-HCSN và Biểu mẫu số 1, 2a, 3a, 3b được đăng tải kèm theo công văn này tại mục Văn bản Sở Y tế trên website Sở Y tế Khánh Hòa)*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC./.

**GIÁM ĐỐC**



**Bùi Xuân Minh**

UBND TỈNH KHÁNH HÒA  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1069/STC-HCSN

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 4 năm 2015

V/v hướng dẫn thực hiện Nghị  
định số 17/2015/NĐ-CP ngày  
14/02/2015 của Chính phủ

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA	
Số: 2896	Ngày: 08/4/15
<b>ĐẾN</b>	Chuyên: Căn

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc;

Căn cứ Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ ban hành quy định tiền lương tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang có hệ số lương từ 2,34 trở xuống;

Căn cứ Thông tư số 32/2015/TT-BTC ngày 17/3/2015 của Bộ Tài chính xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang có hệ số lương từ 2,34 trở xuống theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 1288/UBND-KT ngày 04/3/2015 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định tiền lương tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang có hệ số lương từ 2,34 trở xuống.

Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị định 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015, Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư số 32/2015/TT-BTC ngày 17/3/2015 của Bộ Tài chính để thực hiện, ngoài ra Sở Tài chính hướng dẫn một số nội dung sau:

1. Phạm vi và đối tượng xác định tiền lương tăng thêm:

a) Điều chỉnh tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang có hệ số lương từ 2,34 trở xuống làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị (quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015).

b) Điều chỉnh mức trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc theo quy định tại Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ.

2. Xác định mức tiền lương tăng thêm:



a) Tiền lương tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang có hệ số lương từ 2,34 trở xuống theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015:

- Mức tiền lương tăng thêm hàng tháng bằng hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh nhân với mức lương cơ sở 1.150.000 đồng mỗi tháng nhân với 8%.

- Tiền lương tăng thêm không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và tính các loại phụ cấp lương.

b) Trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015:

- Mức trợ cấp tăng thêm: Tăng 8% mức trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ.

### 3. Xác định nhu cầu kinh phí:

a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang có hệ số lương từ 2,34 trở xuống là số thực có mặt tại thời điểm báo cáo (có mặt tại thời điểm ngày 01/01/2015), nằm trong số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2015.

b) Đối với số người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, chỉ tổng hợp số người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn trong các cơ quan của các đơn vị Đảng, cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định tại Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000; số người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động hưởng lương từ NSNN thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; số giáo viên mầm non làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định tại Quyết định 60/2011/QĐ-TTG ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ để xác định nhu cầu kinh phí.

c) Đối với người làm việc tại các Hội có tính chất đặc thù, chỉ tổng hợp số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

d) Đối với người lao động quy định tại điểm a nêu trên tăng thêm trong năm 2015, so với số người có mặt tại thời điểm ngày 01/01/2015 (nếu có), nếu trong phạm vi tổng mức biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2015 thì nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện Nghị định 17/2015/NĐ-CP của số biên chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo hoặc tổng hợp vào nhu cầu kinh phí thực hiện tiền lương năm sau.

e) Nhu cầu kinh phí trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã nghỉ việc được xác định căn cứ vào số cán bộ xã nghỉ việc thực có mặt tại thời điểm báo cáo (số có mặt tại thời điểm 01/01/2015).

### 3. Nguồn kinh phí thực hiện:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được sử dụng các nguồn kinh phí sau để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm, cụ thể như sau:

- Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2015 (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương) của cơ quan, đơn vị;

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu phí, lệ phí được để lại theo chế độ năm 2015 của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (phần còn lại sau khi sử dụng để thực hiện Nghị định 66/2016/NĐ-CP, Nghị định 31/2012/NĐ-CP, Nghị định 34/2012/NĐ-CP, Nghị định 22/2011/NĐ-CP, Nghị định 57/2011/NĐ-CP); đối với số thu dịch vụ sử dụng tối thiểu 40% chênh lệch thu, chi từ hoạt động dịch vụ. Riêng đơn vị sự nghiệp thuộc ngành y tế sử dụng tối thiểu 35% số thu để lại theo chế độ (sau khi trừ chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế, kinh phí chi trả phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật nếu đã kết cấu trong giá dịch vụ);

- Sử dụng 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể tăng thu tiền sử dụng đất và khoản 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2015 so với dự toán năm trước sau khi đảm bảo mức lương cơ sở 1.150.000 đồng còn dư);

- Sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn dư đến hết năm 2014 chuyển sang năm 2015 của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các cấp ngân sách địa phương.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định nêu trên để chi trả tiền lương tăng thêm nhưng vẫn còn thiếu nguồn thì tổng hợp báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính.

#### 4. Về mẫu biểu báo cáo:

- Đối với các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh: Tổng hợp báo cáo kết quả báo cáo kết quả chi tiền lương tăng thêm theo biểu số 1, 2a, 3a, 3b đính kèm;

- Đối với UBND các huyện thị xã, thành phố: Tổng hợp báo cáo kết quả báo cáo kết quả chi tiền lương tăng thêm theo biểu 1, 2a, 2b và biểu số 4 đính kèm.

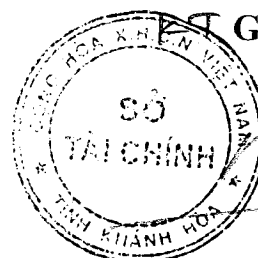
#### 5. Thời gian gửi báo cáo:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp báo cáo kết quả chi tiền lương tăng thêm gửi về Sở Tài chính chậm nhất trước **ngày 15/4/2015**, để tổng hợp trình UBND tỉnh và báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Trên đây là một số nội dung hướng dẫn của Sở Tài chính Khánh Hòa. / *ml*

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NS, HCSN, Thọ. *ar*



**T. GIÁM ĐỐC**

**ĐỖ GIÀM ĐỐC**

**Nguyễn Ngọc Tâm**

**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2015/NĐ-CP NĂM 2015**  
(Kèm theo Thông tư số 32/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính)  
(Dùng cho các Bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ							Lĩnh vực ... (chi tiết từng lĩnh vực chi)
		Tổng biên chế năm 2015 được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	Tổng số biên chế có hệ số lương từ 2,34 trở xuống có mặt tại thời điểm 01/01/2015 (không bao gồm đối tượng hợp đồng theo Nghị định 68/2010/NĐ-CP)	Tổng số đối tượng làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn theo Nghị định 68/2010/NĐ-CP có hệ số lương từ 2,34 trở xuống có mặt thời điểm 01/01/2015 (1)	Quý tiền lương ngạch, bậc, chức vụ theo Nghị định số 66/2013/NĐ-CP của đối tượng có hệ số lương từ 2,34 trở xuống (1 tháng)	Nhu cầu kinh phí tăng lương theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP (1 tháng)	Số tháng bình quân trong năm được điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP	Nhu cầu kinh phí tiền lương tăng thêm năm 2015	Chi tiết theo các chi tiêu như từ cột 1 đến cột 6
A	B	1	2	3	4	5 = (4) x 8%	6 = (7)/(5)	7 = (5) x (6)	
	<b>TỔNG SỐ</b> <i>(Chi tiết theo từng đơn vị thuộc, trực thuộc)</i>								
1	Đơn vị ...								
2	Đơn vị ...								
3	....								

Ghi chú: (1) Chi tổng hợp đối tượng hợp đồng 68 (không thời hạn) của đơn vị quản lý hành chính, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội.

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2015/NĐ-CP NĂM 2015**

(Kèm theo Thông tư số 32/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Nội dung	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt năm 2015 (1) (Người)	Tổng số đối tượng có mặt tại thời điểm 01/01/2015 (2) (Người)	Tổng số đối tượng có hệ số lương ngạch bậc, lương chức vụ từ 2,34 trở xuống có mặt tại thời điểm 01/01/2015 (Người)	Tổng hệ số tiền lương ngạch bậc, lương chức vụ của số đối tượng có hệ số lương từ 2,34 trở xuống	Tiền lương tăng thêm 1 tháng theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP	Số tháng bình quân trong năm được điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP	Tổng nhu cầu tiền lương tăng thêm năm 2015 theo Nghị định số 17/2015/NĐ-CP (Triệu đồng)
1	2	3	4	5	6	7 = (6) x 1,15 x 0,08	8 = (9)/(7)	9
	<b>Tổng số</b>							
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo - Sự nghiệp giáo dục: Trong đó: Giáo viên mầm non hợp đồng lao động theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg - Sự nghiệp đào tạo							
2	Sự nghiệp y tế							
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ							
4	Sự nghiệp môi trường							
5	Sự nghiệp văn hoá thông tin							
6	Sự nghiệp phát thanh truyền hình							
7	Sự nghiệp thể dục - thể thao							
8	Sự nghiệp đảm bảo xã hội							
9	Chỉ quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể							
a	Cấp tỉnh và huyện Trong đó: - Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể							
b	Cán bộ chuyên trách, công chức xã							

Ghi chú: (1) Không kể đối tượng hợp đồng không thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 ;

(2) Bao gồm đối tượng hợp đồng không thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội.

Ngày tháng năm

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH, THÀNH PHỐ**

(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2015/NĐ-CP NĂM 2015**

(Kèm theo Thông tư số 32/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính)

(Dùng cho các Bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ								Lĩnh vực ... (chi tiết từng lĩnh vực chi)	
		Nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 17/2015/NĐ-CP năm 2015	Nguồn để thực hiện điều chỉnh tiền lương cho người có hệ số lương từ 2,34 trở xuống năm 2015			Số đề nghị bổ sung để thực hiện tiền lương tăng thêm (nếu có)	Nguồn để thực hiện tiền lương tăng thêm năm 2015 chưa sử dụng hết (nếu có)			Chi tiết theo các chi tiêu như từ cột 1 đến cột 8	
			Tổng số	40% số thu để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35%)	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương		Tổng số	40% số thu để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35%) chưa sử dụng hết	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên chưa sử dụng hết		
A	B	1	2=(3)+(4)	3	4	5=(1)-(2)	6=(2)-(1)	7	8=(6)-(7)		
	<b>TỔNG SỐ</b> (Chi tiết theo từng đơn vị thuộc, trực thuộc)										
1	Đơn vị ...										
2	Đơn vị ...										
3	....										

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2015/NĐ-CP NĂM 2015 CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**  
(Kèm theo Thông tư số 32/2015/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính)  
(Dùng cho các Bộ, cơ quan trung ương trong báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ																			Lĩnh vực ... (chỉ tiết từng lĩnh vực chi)	
		Số thu được để lại theo chế độ						Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên						Số đề nghị bổ sung để thực hiện tiền lương tăng thêm năm 2015	Nguồn để thực hiện tiền lương tăng thêm năm 2015 chưa sử dụng hết (nếu có)			Chi tiết theo cơ chế như từ cột 1 đến cột 14				
		Thực hiện năm 2014	Dự toán năm 2015	40% số thu để lại theo chế độ năm 2015 (riêng ngành y tế là 35%)	Số đã sử dụng để thực hiện các Nghị định về tiền lương, phụ cấp từ năm 2014 trở về trước	Số thu để thực hiện tiền lương tăng thêm năm 2014 chưa sử dụng hết chuyển sang	Số thu để thực hiện tiền lương tăng thêm năm 2015	Chi thường xuyên dự toán 2014			Chi thường xuyên dự toán 2015				Số tiết kiệm 10% chi TX dự toán năm 2015 tăng thêm so với năm 2014 để thực hiện cải cách tiền lương	Số tiết kiệm để thực hiện tiền lương năm 2014 chưa sử dụng hết chuyển sang	Số tiết kiệm để thực hiện tiền lương tăng thêm năm 2015		Tổng số	40% số thu để lại theo chế độ (riêng ngành y tế là 35%)	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên	
								Tổng số	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương	Chi TX còn lại	Tổng số	Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương	Chi TX còn lại									
A	B	1	2	3	4	5	6	7=(4)-(5)+(6)	8	9	10=(8)-(9)	11	12	13=(11)-(12)	14=10%*(13-10)	15	16=(14)+(15)		17=(1)-(7)-(16)	18=(16)+(7)-(1)	19	20
	<b>TỔNG SỐ</b> (Chỉ tiết theo từng đơn vị thuộc, trực thuộc)																					
	1) Đơn vị ...																					
	2) Đơn vị ...																					
	3) ...																					

... ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)